

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 02 - 3 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Lê Nguyên Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 117/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 03/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Hoàng Q, thuộc Văn phòng luật sư Thanh Liêm – chi nhánh Trà Vinh, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Do có kháng cáo của:

1. Ông Nguyễn Văn T – Là nguyên đơn.
2. Bà Phan Thị D – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:* Ông T và bà D sống như vợ chồng năm 2012, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 15/02/2019. Thời gian sống chung hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ ngày 17/05/2020 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong kinh tế và không có con chung nên không còn tình cảm. Do đó, ông T yêu cầu xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Phan Thị D trình bày:* Ông T và bà D sống như vợ chồng năm 2012, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới hỏi nhưng gia đình 02 bên có gặp mặt nhau, ngày 15/02/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Thời gian sống chung hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ly thân từ ngày 17/05/2020 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T người phụ nữ khác bên ngoài, có hành vi dùng vũ lực với bà D. Do đó, bà D đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung là tài khoản tiết kiệm gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Long với số tiền là 430.000.000đồng, chiếc xe Air Blade biển số 59-B1 149.88 trị giá 25.000.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng trọng lượng 10 chỉ vàng 24k, hiện tại số tài sản này do ông T quản lý.

Nay bà D yêu cầu được hưởng số tiền 215.000.000 đồng và rút yêu cầu hưởng 05 chỉ vàng 24k và giá trị chiếc xe Air Blade biển số 59-B1 149.88 số tiền là 12.500.000 đồng.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 117/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 16, Điều 19; Điều 33, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu một phần khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phan Thị D.

1.2. Về con chung: không có nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao lại cho bà Phan Thị D số tiền 85.000.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chung về tài sản; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/12/2021 nguyên đơn Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý chia cho bà D số tiền 85.000.000đồng.

- Ngày 28/12/2021 bị đơn Phan Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu chia cho bà D số tiền 130.000.000đồng trong số tài sản chung là 260.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia cho bà D số tiền 85.000.000đồng.

Bị đơn Phan Thị D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D luật sư Trần Hoàng Quyên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T; giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T, bị đơn Phan Thị D; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại D Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng Điều 289 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà D; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; giữ nguyên án sơ thẩm; Về án phí phúc thẩm: Ông T, bà D phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/12/2021, 28/12/2021 nguyên đơn Nguyễn Văn T, bị đơn Phan Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông T, bà D được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Phan Thị D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét việc rút yêu cầu kháng cáo của bà D là tự nguyện nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T không đồng ý chia cho bà D số tiền 85.000.000đồng; Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T khai trong thời gian sống chung với bà D ông có tạo tài khoản tiết kiệm số tiền 170.000.000đồng để kinh doanh thầu xây dựng nhỏ. Lời khai của ông T phù hợp với Công văn số 44 ngày 01/4/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long thể hiện ông T có mở các tài khoản tiết kiệm cụ thể như sau: Thứ 1: Số tài khoản 223007490078 ngày gửi 06/11/2021, số tiền gửi 170.000.000 đồng, ngày rút 26/02/2019, số tiền rút là 172.056.767 đồng. Thứ 2: Số tài khoản 222008309697 ngày gửi 26/2/2019, số tiền gửi 100.000.000 đồng, ngày rút 31/5/2019, số tiền rút là 100.001.370 đồng. Thứ 3: Số tài khoản 225008994720

ngày gửi 31/5/2019, số tiền gửi 90.000.000 đồng, ngày rút 06/06/2019, số tiền rút là 90.001.480 đồng. Thứ 4: Số tài khoản 220009029037 ngày gửi 06/6/2019, số tiền gửi 70.000.000 đồng, ngày rút 10/6/2020, số tiền rút là 70.000.767 đồng.

Cho thấy khi chung sống ông T, bà D có gửi Ngân hàng 170.000.000đồng, được ông T, bà D xác nhận. Bà D yêu cầu chia số tiền 170.000.000đồng. Ông T cho rằng số tiền này là tiền riêng của mẹ ruột ông mượn ông đứng tên gửi dùm, nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó có căn xác định số tiền 170.000.000đồng ông T đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương VN- chi nhánh Vĩnh Long là tài sản chung của ông T và bà D. Hiện ông T đã rút hết số tiền 170.000.000đồng để đầu tư xây dựng mà không thông qua bà D. Xét việc rút toàn bộ tiền gửi mà không có sự đồng ý của bà D, bà D không hay biết. Do đó cấp sơ thẩm đã xem xét chia đôi số tiền 170.000.000đồng nên ông T có nghĩa vụ trả lại cho bà D 85.000.000đồng là có căn cứ phù hợp với quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét thấy đề nghị của vị đại D Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010422 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông T đã nộp xong.

Bà Phan Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010431 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp xong.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hôn nhân; về con chung; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị D.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 117/2021/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 33, Điều 38, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 và khoản 4 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị D số tiền là 85.000.000đồng (Tám mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010422 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông T đã nộp xong.

Bà Phan Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010431 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bà D đã nộp xong.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hôn nhân; về con chung ; về án phí không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.TB: 01;
- Chi cục H. TB; 01;
- Đ/s: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư